

Số: 09/2020/QĐST - HNGĐ

*Thạch Thất, ngày 29 tháng 10 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

*V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc Sơn

- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên họp: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 220/2020/TLST-VDS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Bùi Hương Q, sinh năm 1984

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985;

Trú tại: Thôn 2, xã T, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của anh Bùi Hương Q và chị Nguyễn Thị L có khai:

Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 10 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (Nay là huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm ăn sinh sống tại xã T, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Thời điểm đăng ký kết hôn anh Bùi Hương Q mới 19 tuổi. Do hiểu biết hạn chế nên anh Q đã khai tăng tuổi để đủ tuổi đăng ký kết hôn, chị L khi đó đã đủ tuổi đăng ký kết

hôn. Thực tế trong các giấy tờ tùy thân như Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân của anh Bùi Hương Q thể hiện anh Q sinh năm 1984 chứ không phải sinh năm 1982 như trong Giấy chứng nhận kết hôn. Thời điểm anh Q đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Y anh Q không mang theo giấy tờ tùy thân mà chỉ mang theo 01 Giấy giới thiệu của UBND xã T nơi anh Q sinh sống. Khi đó anh Q chưa có chứng minh nhân dân, mẹ anh Q lên UBND xã T xin Giấy giới thiệu cho anh Q và khai với cán bộ cấp Giấy giới thiệu là anh Bùi Hồng Q sinh năm 1982 nên UBND xã T viết giấy giới thiệu số 19 ngày 29/9/2003 cho anh là Bùi Hồng Q sinh ngày 12/02/1982 để anh Q lên xã Y đăng ký kết hôn. (Giấy giới thiệu này mẹ anh Q đọc nhầm tên đệm và ngày tháng năm sinh mẹ anh Q tự nghĩ ra để anh Q đủ tuổi đăng ký kết hôn nên Cán bộ tư pháp xã T là ông Đinh Công B đã viết giấy Giới thiệu cho anh Q như thông tin mẹ anh Q cung cấp). Theo giấy giới thiệu này vợ chồng anh Q, chị L được UBND xã Y, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) cấp cho Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01, ngày 01/10/2003. Trong Giấy đăng ký kết hôn có ghi tên họ tên của anh Q là “Bùi Hồng Q, sinh ngày 12/02/1982” nhưng thực tế chính xác anh là Bùi Hương Q, sinh ngày 13/02/1984.

Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng anh Q chị L sinh sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Tuy nhiên vợ chồng anh chị nhận thấy việc đăng ký kết hôn năm 2003 là trái quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến các quá trình làm thủ tục giấy tờ cho gia đình và các con học tập nên anh Q, chị L đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật của vợ chồng anh chị và công nhận hôn nhân hợp pháp cho vợ chồng anh chị kể từ ngày anh là Bùi Hương Q đủ tuổi đăng ký kết hôn. Đồng thời sửa lại tên đệm và ngày tháng năm sinh của anh Q trong Giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng anh là Bùi Hương Q, sinh ngày 13/02/1984. Anh Q tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Tại đơn xin xác nhận ngày 13/10/2020 của anh Bùi Hương Q gửi Công an xã T, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội có xác nhận anh Bùi Hương Q- sinh ngày 13/02/1984 như trong Giấy khai sinh, Giấy chứng minh nhân dân và anh Bùi Hồng Q- sinh ngày 12/02/1982 trong Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01, ngày 01/10/2003 của UBND xã Y, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình cấp là một người.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội cung cấp thông tin như sau:

Tại sổ Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2003, lưu trữ tại UBND xã Y thể hiện: Quyển số 1, số 23 ngày 01/10/2003, UBND xã Y, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình có đăng ký kết hôn giữa anh Bùi Hồng Q, sinh ngày 12/02/1982, dân tộc Mường, nơi thường trú tại: Xóm Ch, xã T, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 26/6/1985, nơi thường trú: Xóm Th, xã Y, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Tại sổ lưu trữ thể hiện anh Q xuất trình giấy tờ khi đăng ký kết hôn là Giấy giới thiệu số 19 ngày 29/9/2003 của UBND xã T, chị L xuất trình Sổ hộ khẩu NK3a số 83290 do Công an cấp ngày 30/8/2001.

UBND xã Y xác nhận Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyền số 01, ngày 01/10/2003 của anh Q, chị L giao nộp tại Tòa án là do UBND xã Y, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) cấp cho anh Bùi Hồng Q và chị Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, trong sổ đăng ký thể hiện số thứ tự đăng ký 23 nhưng trong Giấy chứng nhận kết hôn của anh Q, chị L lại ghi số thứ tự 24, đây chỉ là sự nhầm lẫn. Đúng theo thứ tự thì Chứng nhận kết hôn của anh Q và chị L là số 23 ngày 01/10/2003.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến phiên họp hôm nay: Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự. Đề nghị áp dụng Điều 149, Điều 367, Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, điểm a khoản 3 Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Bùi Hương Q và chị Nguyễn Thị L về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Q, chị L và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp cho anh Q, chị L từ ngày 14/02/2004 (thời điểm anh Bùi Hương Q đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Anh Q phải chịu lệ phí việc dân sự và quyền kháng cáo theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” và “Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp từ thời điểm đủ tuổi đăng ký kết hôn” của anh Bùi Hương Q và chị Nguyễn Thị L đều đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật. Đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Kèm theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, anh Bùi Hương Q và chị Nguyễn Thị L nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Theo giấy khai sinh, các giấy tờ liên quan đến cá nhân thể hiện anh Bùi Hương Q sinh ngày 13/02/1984. Việc khai nhầm tên đệm của anh Q trong Giấy chứng nhận kết hôn là do sự nhầm lẫn trong quá trình xin Giấy

giới thiệu, việc sai ngày tháng năm sinh của anh Q trong Giấy chứng nhận kết hôn là do anh Q chưa đủ tuổi nên đã khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn. Công an xã T cũng đã xác định anh Bùi Hương Q và anh Bùi Hồng Q là một người. Như vậy, khi đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày **01/10/2003** thì anh Bùi Hương Q mới 19 tuổi, đã vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Anh Q, chị L yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật ngày **01/10/2003** là có căn cứ theo Khoản 1 Điều 9, điểm a khoản 3 Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì anh Bùi Hương Q và chị Nguyễn Thị L vẫn đang chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung. Đến nay anh, chị đều có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp từ thời điểm anh Q đủ tuổi đăng ký kết hôn. Yêu cầu trên của anh Q và chị L là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ Khoản 2, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Bùi Hương Q và chị Nguyễn Thị L từ thời điểm anh Q đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày **14/02/2004**.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Bùi Hương Q tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, điểm a khoản 3 Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Bùi Hương Q và chị Nguyễn Thị L. Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyền số 01 ngày 01/10/2003 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội đã cấp cho anh Bùi Hương Q và chị Nguyễn Thị L do vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình về độ tuổi kết hôn.

2. Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp: Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Hương Q và chị Nguyễn Thị L. Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Bùi Hương Q- sinh ngày 13/02/1984 và chị Nguyễn Thị L- sinh ngày 26/6/1985 kể từ **ngày 14/02/2004**.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Hương Q chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0011624 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

4. Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Y
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất
- Lưu HS vụ án.

**THẨM PHÁN**

**( Đã ký)**

**Đỗ Ngọc Sơn**